

Số: 94/2017/QĐST-HNGĐ

Hương Sơn, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, về việc “*Ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Kim H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm 6, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm 6, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*.

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị Thu H1, Giám đốc phòng giao dịch N, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà 18 ngõ A1, đường T, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm 6, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3.4. Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khối 1, Thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3.5. Anh Nguyễn Viết H3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm 6, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Kim H và anh Nguyễn T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Xuân M1, sinh ngày 21/8/1993 và Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 20/01/2000. Cháu M1 đã trên 18 tuổi, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thị Huyền T2 chưa đủ 18 tuổi, hai vợ chồng thỏa thuận giao cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về quan hệ tài sản:* Vợ chồng thỏa thuận phân chia như sau:

* Thỏa thuận thống nhất thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01, tại xóm 6 xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00100/QSDĐ - 1173/QĐUB, ngày 19/12/ 2003 mang tên anh Nguyễn T là tài sản chung của anh T và chị H. Theo kết quả thẩm định tại chỗ thửa đất trên có diện tích thực tế là 548,32m², diện tích đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 375,32m².

* Giao cho chị Dương Thị Kim H được quản lý, sử dụng 86,5m² đất ở trị giá 155.700.000 đồng và được tạm giao 226,62 m² đất vườn (trong đó có 70,643 m² nằm trong mốc chỉ giới hành lang giao thông) trị giá 148.877.550 đồng. Tổng diện tích phần đất chị H được giao và tạm giao là 313,12 m², trị giá 304.577.550 đồng, thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01, tại xóm 6 xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh . Phần đất chị H được giao chia làm hai ô thửa:

- Ô thửa thứ nhất có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất hành lang giao thông đường 8A dài 6,8m.
- + Phía Nam giáp thửa thứ hai giao cho chị H dài 4,07m.
- + Phía Đông giáp đất ông Đ dài 27m.
- + Phía Tây giáp đất được giao cho anh T dài 29m.

- Ô thửa thứ hai có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp đất được giao cho anh T, chị H dài 11,75m.
- + Phía Nam giáp đất ông P dài 10,11m.
- + Phía Đông giáp đất ông Đ dài 14,8m.
- + Phía Tây giáp đường lối xóm dài 14,65m.

* Giao cho chị Dương Thị Kim H được quyền sở hữu các tài sản sau:

- Một bộ bàn ghế xa lông gỗ (nhóm 4): gồm 04 ghế, 01 đôn, 02 bàn bằng gỗ, trị giá 3.000.000 đồng;

- Một xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu đỏ, BKS: 38H1 – 12303, trị giá 25.000.000 đồng;

- Tường rào, cây cối và các tài sản khác (hai bên thỏa thuận không xác định giá trị) nằm trên phần đất chị H được chia;

Tổng giá trị tài sản chị H được chia là: 332.557.550 đồng.

* Giao cho anh Nguyễn T được quyền quản lý, sử dụng 86,5m² đất ở trị giá 155.700.000đồng và được tạm giao 145,7 m² đất vườn, trị giá 55.100.550 đồng (trong đó có 90,673m² đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn giao thông). Tổng diện tích đất anh T được giao và tạm giao là 232,2 m², trị giá 210.800.550 đồng, thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 01, tại xóm 6 xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất anh T được giao có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đất hành lang giao thông đường 8A dài 8m;

+ Phía Nam giáp thửa thứ hai giao cho chị H dài 7,68m;

+ Phía Đông giáp đất được giao cho chị H dài 29m;

+ Phía Tây giáp đường lối xóm dài 31m.

* Giao cho anh Nguyễn T được sở hữu các loại tài sản gồm:

- Một ngôi nhà cấp 4, xây tường, lợp ngói cửa có diện tích 108m², trị giá 375.642.000đ;

- Một tủ lạnh bằng gỗ (nhóm 4), trị giá: 2.000.000 đồng.

- Một xe Mô tô SUZUKI VIVA, BKS 37 – 8AAA, trị giá 2.000.000 đồng.

- Tường rào, cây cối và các tài sản khác (hai bên thỏa thuận không xác định giá trị) nằm trên phần đất anh T được chia;

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn T được chia là 590.442.550 đồng.

* Anh T, chị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

* Anh T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời một phần của ngôi nhà chái nằm trên phần đất được chia cho chị H.

* Đối với cái giếng nước nằm giữa ranh giới hai phần đất được chia, anh T, chị H thỏa thuận không tính giá trị và không yêu cầu chia.

* Giao cho anh Nguyễn T phải thực hiện nghĩa vụ T toán các khoản nợ chung gồm:

- Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, thông qua phòng giao dịch N, (xã S1) Chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 108.375.000đồng, trong đó tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 8.375.000đồng tính đến ngày 28/11/2017 và tiếp tục chịu tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 28/11/2017 đến lúc thi hành xong khoản nợ.

- Trả cho ông Nguyễn Trọng T1; trú tại khối 1, Thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 50.000.000 đồng.

- Trả cho anh Nguyễn Viết H3; trú tại xóm 6, xã S, huyện H số tiền 14.160.000 đồng.

Tổng các khoản nợ chung anh T phải trả là: 172.535.000 đồng.

* Giao cho anh Nguyễn T phải thực hiện nghĩa vụ T toán các khoản nợ riêng gồm:

- Trả cho ông Nguyễn Ngọc H2; trú tại xóm 6, xã S, huyện H số tiền 4.656.000đồng.

- Trả cho bà Nguyễn Thị M; trú tại số nhà 18, ngõ A1, đường T, Thành phố V, tỉnh Nghệ An số tiền 35.000.000đồng.

2.3. Về án phí: Anh T và chị H thỏa thuận nghĩa vụ chịu các khoản án phí như sau:

- Chị Dương Thị Kim H chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 8.313.938 đồng án phí chia tài sản; được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 36.300.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng*) theo các biên lai thu tiền số 0002119 và số 0002120 ngày 07/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị H số tiền 27.836.062 đồng (*Hai bảy triệu, tám trăm ba sáu ngàn, không trăm sáu hai đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện H.

- Anh Nguyễn T chịu 10.358.151 đồng (*Mười triệu, ba trăm năm tám ngàn, một trăm năm một đồng*) tiền án phí chia tài sản; 5.304.775 đồng (*Năm triệu, ba trăm linh bốn ngàn, bảy trăm bảy lăm đồng*) tiền án phí trả nợ chung và nợ riêng.

- Trả lại cho các đương sự gồm: Anh Nguyễn Viết H3, 354.000 đồng (*Ba trăm năm tư ngàn đồng*); ông Nguyễn Trọng T1, 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*); ông Nguyễn Ngọc H2, 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*); bà Nguyễn Thị M 875.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*); Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, thông qua phòng giao dịch N, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh 2.610.000đồng (*Hai triệu sáu trăm mười ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0002130 ngày 07/8/2017; số 0002140, ngày 28/8/2017; số 0002134 ngày 10/8/2017; số 0002142, ngày 07/9/2017; số 0002145 ngày 12/9/2017 của Chi cục Thi hành án huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- CTHADS huyện H;
- UBND xã S (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nhân